TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2020/DS-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tạ Công Minh.**
2. Bà **Huỳnh Thị Ngọc Thuận.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 101/2020/TLST-DS ngày 23/4/2020, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-DS ngày 17/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đào Thị N**, sinh năm: 1956 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện C, Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Bà **Trần Thị E**, sinh năm: 1960 (vắng mặt).
- Anh **Lê Thái H**, sinh năm: 1984 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/3/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đào Thị N trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Trần Thị E và anh Lê Thái H vay số tiền 27.000.000 đồng vào ngày 25/4/2013, các bên có làm biên nhận nợ ngày 25/4/2013. Quá trình thực hiện, bà E và anh H chỉ trả cho bà được 7.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng đến nay đã

quá hạn nhưng bà E và anh H chưa trả cho bà được khoản tiền nào dù bà đã nhiều lần gặp trực tiếp nhắc nhở trả nợ.

Nay, bà yêu cầu bà Trần Thị E và anh Lê Thái H liên đới trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, thời hạn tính lãi từ ngày 25/4/2013 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình tố tụng, bà Trần Thị E và anh Lê Thái H vắng mặt dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, bà E và anh H cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà N trình bày do quen biết nên bà có cho bà Trần Thị E và anh Lê Thái H vay một phần hụi 3.000.000 đồng mà bà đang chơi do bà Lê Thị Màu làm chủ hụi với số tiền là 27.000.000 đồng, các bên có làm biên nhận nợ ngày 25/4/2013, không lãi suất, thời hạn vay đến ngày 10/4/2015. Quá trình thực hiện, bà E và anh H không trả cho bà được khoản nào nên ngày 19/12/2018, bà đã khởi kiện bà E, anh H trả 27.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó, bà chỉ kiện 5.500.000 đồng, còn 21.500.000 đồng bà sẽ khởi kiện sau. Sau đó, bà E và anh H chỉ trả được 5.500.000 đồng mà các bên đã thỏa thuận ở vụ án trước và trả thêm được 1.500.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng đến nay đã quá hạn nhưng bà E và anh H chưa trả cho bà được khoản tiền nào dù bà đã nhiều lần gặp trực tiếp nhắc nhở trả nợ. Nay, bà yêu cầu bà Trần Thị E và anh Lê Thái H liên đới trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất do pháp luật quy định, thời hạn tính lãi từ ngày 11/4/2015 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Các vấn đề còn lại, bà vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đào Thị N khởi kiện bà Trần Thị E và anh Lê Thái H yêu cầu trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, căn cứ vào bản án số 180/2019/DS-ST ngày 04/7/2019 thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà N và bà E, anh H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bà Trần Thị E và anh Lê Thái H vắng mặt dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt bà E, anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hệu khởi kiện: Theo Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Quá trình tố tụng, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[4] Trong vụ án này, bà Đào Thị N không cung cấp được biên nhận nợ ngày 25/4/2013, tuy nhiên bà N cung cấp được bản án số 180/2019/DS-ST ngày 04/7/2019 mà bà đã khởi kiện bà E, anh H trước đây đối với số tiền vay 27.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án số 180/2019/DS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì bà N không cần phải chứng minh trong vụ án này theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào bản án số 180/2019/DS-ST ngày 04/7/2019, biên bản phiên tòa ngày 04/7/2019 và lời trình bày tại tòa của nguyên đơn thể hiện, bà Trần Thị E và anh Lê Thái H có vay của bà Đào Thị N số tiền 27.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay đến ngày 10/4/2015. Quá trình thực hiện, bà E và anh H không trả cho bà được khoản nào nên ngày 19/12/2018, bà đã khởi kiện bà E, anh H trả 27.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó, bà chỉ kiện 5.500.000 đồng, còn 21.500.000 đồng bà sẽ khởi kiện sau. Sau đó, bà E và anh H chỉ trả được 5.500.000 đồng mà các bên đã thỏa thuận ở vụ án trước và trả thêm được 1.500.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng đến nay đã quá hạn nhưng bà E và anh H chưa trả cho bà được khoản tiền nào. Do bà E, anh H vi phạm sự thỏa thuận, không trả tiền nợ gốc khi hết thời hạn vay nên bà N yêu cầu bà E, anh H trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở.

[6] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ vào bản án số 180/2019/DS-ST ngày 04/7/2019, biên bản phiên tòa ngày 04/7/2019 thì giao dịch giữa bà N và bà E, anh H là vay tài sản nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 25/4/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm nhưng tại phiên tòa, bà yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 11/4/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ vào bản án số 180/2019/DS-ST ngày 04/7/2019, biên bản phiên tòa ngày 04/7/2019 thì đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi. Do đó, cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tính từ 11/4/2015 đến thời điểm xét xử, thời gian vay chậm trả là 63 tháng 01 ngày nhưng bà N đồng ý làm tròn là 63 tháng nên số tiền lãi chậm trả bà E, anh H có nghĩa vụ trả cho bà N là: [(20.000.000 đồng x 0,83 %/tháng) x 63 tháng] = 10.458.000 đồng.

Từ phân tích trên, cần buộc bà Trần Thị E và anh Lê Thái H có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cho bà Đào Thị N là: 20.000.000 đồng + 10.458.000 đồng = 30.458.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Giao dịch giữa bà Đào Thị N và bà Trần Thị E, anh Lê Thái H đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên

cần áp dụng Bộ luật dân sự 2015 (theo quy định tại điểm b Khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà Trần Thị E, anh Lê Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 149, Khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, điểm b Khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị N.

1/ Buộc bà Trần Thị E và anh Lê Thái H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị N số tiền 30.458.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị E và anh Lê Thái H phải chịu 1.522.900 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Đào Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002557 ngày 22/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3/ Bà Đào Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bà Trần Thị E và anh Lê Thái H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Huy Vũ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu./.